

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2022/DS-PT

Ngày: 19-9-2022

“V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữn.

Ông Lê Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị C Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Hồ Duy N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.2. Ông Nguyễn Công A, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.4. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.5. Ông Trương Hoàng N1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông N1: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.6. Ông Lê Văn C1, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

1.7. Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Ông Trịnh Ngọc Anh K, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 460, đường C2, phường 13, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1;

3.2. NLQ2;

3.3. NLQ3

3.4. NLQ4;

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2017 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2019 và ngày 01/8/2020 cùng những lời trình bày của nguyên đơn ông Hồ Duy N như sau:

Tiếp giáp giữa các thửa đất 450 của ông Phạm Huỳnh G là thửa đất số 512 của ông Phạm Huỳnh G, thửa đất số 513 của ông Hồ Duy N, thửa đất số 514 của ông Nguyễn Văn M, thửa đất số 515 của ông Nguyễn Văn M1, thửa đất số 516 của bà Trần Thị Xuân H, thửa đất số 517, thửa đất số 518 và thửa 333 của ông Nguyễn Văn T có lối đi ngang khoảng 2m, mặt đường đá xanh, phần ranh tiếp giáp với thửa 333 có 1 bức tường xây gạch, trát 1 mặt, dày 10cm, phần ranh còn lại các thửa 513, 514, 515, 516 đã xây nhà nhưng chưa xây tường rào, các thửa còn lại để trống, chưa xây dựng.

Nguồn gốc lối đi này có từ trước năm 1975 nhưng khi nhà nước cấp giấy không thể hiện lối đi mà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân của các thửa đất 333, 450, 512 513, 514, 515, 516, 517, 518. Lối đi này trước năm 2010 là đường đất sử dụng rộng khoảng 1,7m hai bên là hai mương

nước, ông T trồng hàng dừa trên mé lỏi đi giáp phần đất của ông T. Năm 2010 bà C (chủ sử dụng đất thửa 332) và ông C1 chủ sử dụng đất thửa 551 phía trong) hùn nhau đổ đá xanh giữa đường đi để dễ sử dụng. Năm 2014 ông T xây tường rào phía ngoài hàng dừa theo như hiện trạng hàng rào hiện nay và lấn lỏi đi hết gần 2 mặt đường nên các hộ bên trong là gia đình bà C và gia đình ông C1 xin ông G cho mở rộng đường. Hai gia đình ông C1 và bà C thuê kobe móc đất dưới nương nhà bà C để đắp đường đi, năm 2015 nhà bà C và nhà ông C1 đổ đá xanh trên toàn bộ đường đi mới sử dụng được như hiện trạng hiện nay.

Năm 2017, ông xây dựng nhà nên xe chở vật liệu vào thì bị ông T ngăn cản, không cho xe tải, xe ba gác đi, chỉ chấp nhận chở vật liệu bằng xe rùa và xe 2 bánh. Sau đó ông T trồng sả trên phần lỏi đi cặp tường rào nhà ông T cản trở đến việc sử dụng lỏi đi của các hộ dân bên trong.

Trước đây ông đã khởi kiện đối với ông T về các nội dung khởi kiện bao gồm:

Ngày 06/12/2017 ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ1 mở lỏi đi có diện tích khoảng 175m², (3,5m x dài 50m) thuộc thửa 513, tờ bản đồ số 7, Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 25/8/2019 thông qua người đại diện theo ủy quyền của ông là ông Nguyễn Văn T3 ông đã thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể gồm các yêu cầu:

- Yêu cầu ông T, NLQ1 chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng lỏi đi 41,4m², tại khu C, D, K, H theo Mảnh trích đo địa chính 167-2018 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bến Lức phê duyệt ngày 20/8/2018.

- Buộc giữ nguyên hiện trạng lỏi đi thuộc các khu trên theo Mảnh trích đo địa chính.

- Buộc ông T, NLQ1 sử dụng hạn chế bất động sản liền kề đối với 9,5m² (gồm khu D là 2,4m², khu K là 7,1m²).

Ngày 09/11/2019, ông khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T thuộc 01 phần thửa đất số 333, tờ bản đồ số 7 với diện tích là 21,9m² thuộc khu K, D, F theo bản vẽ được công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú vẽ ngày 04/7/2018 và được Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/8/2018 và cập nhật đây là lỏi đi công cộng. Xét thấy hiện nay việc cản trở của ông T không còn nên ông xin rút lại toàn bộ các nội dung khởi kiện trong các đơn khởi kiện nêu trên.

Tại buổi hòa giải tại UBND xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức thì ông T đồng ý cho ông vận chuyển vật tư xây dựng bằng xe ba gác. Tuy nhiên, lúc ông và ông M, ông M1, ông Acùng vận chuyển vật tư để xây dựng nhà thì ông T và NLQ1 ngăn cản không cho xe chở vật tư vào công trình xây dựng mà buộc phải đổ vật tư tại mép đường Nhựt Chánh – Mỹ Bình và thuê nhân công vận chuyển vật tư vào công trình. Trong khi đoạn đường từ lộ nhựa Nhựt Chánh – Mỹ Bình đến phần đất có công trình xây dựng là đường đi công cộng. Việc cản trở của ông T và NLQ1 gây thiệt hại cho ông gồm:

- Chi phí bồi thường tiền nhân công cho chủ đầu tư xây dựng 8.400.000 đồng. Theo hợp đồng thi công giữa ông với chủ đầu tư thì thời gian thi công công trình từ 22/3/2017, ông phải chuẩn bị sẵn vật tư xây dựng để nhân công có thể thi công, nếu không chuẩn bị kịp thời thì ông phải bồi thường ngày công cho các nhân công phải ra về. Theo đó, ngày 22/3/2017 ông Hoàng A1 cho 10 nhân công đến làm nhưng không có vật tư nên phải ra về, ngày 23/3/2017 đưa 10 nhân công đến nhưng chỉ đủ vật tư cho 02 nhân công nên 08 nhân công phải ra về, ngày 24/3/2017 đưa 9 nhân công tới nhưng chỉ đủ vật tư cho 3 nhân công làm nên 6 nhân công phải ra về. Tổng cộng ông phải bồi thường cho 24 nhân công x 350.000 đồng/người/ngày là 8.400.000 đồng. Việc vận chuyển vật tư chậm là do ông T cản trở không cho xe vật tư vào công trình mà phải thuê người vận chuyển bằng xe rùa và xe 2 bánh nên chậm trễ.

- Bồi thường cho chủ công trình xây dựng 40.000.000 đồng do chậm dứt trước thời hạn hợp đồng do không cung ứng đủ vật tư xây dựng.

- Chi phí thuê nhân công vận chuyển vật tư từ mép đường Nhựt Chánh – Mỹ Bình vào công trình là 114.855.000 đồng.

Tổng số tiền thiệt hại từ hành vi cản trở của ông T và NLQ1 là 163.255.000 đồng. Đây là thiệt hại chung của ông, ông M, ông M1 và ông A và các ông đã bồi thường cho người thứ ba xong. Nay ông và ông M, ông A, ông M1 khởi kiện yêu cầu ông T, NLQ1 phải bồi thường các thiệt hại nêu trên cho bốn ông là 163.255.000 đồng.

Đồng ý Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An ông không có ý kiến gì, đề nghị bồi thường thiệt hại theo giá thực tế theo các chứng cứ mà ông đã cung cấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2019 các nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1; đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/8/2020 các nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A và cùng những lời trình bày của các nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông M, ông M1 xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019.

Ông M1 là chủ sử dụng đất thửa 514, ông M chủ sử dụng đất thửa 515, bà H chủ sử dụng đất thửa 516, ông N1 (do bà C đại diện) chủ sử dụng đất thửa 332, ông C1 là chủ sử dụng đất thửa 551 phía bên trong.

Các ông thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng và hiện trạng lối đi như ông Nguyễn trình bày. Ông T, NLQ1 có hành vi cản trở các hộ bên trong sử dụng lối đi, không cho xe 4 bánh vào nên gây khó khăn trong sinh hoạt và vận chuyển vật tư vào xây dựng nên ngày 20/6/2019, ông M1, ông M có làm đơn khởi kiện ông T, NLQ1. Do ông T, NLQ1 không còn hành vi cản trở các ông sử dụng lối đi nên ngày 05/8/2020, ông M, ông M1 xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019.

Tuy lối đi có một phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T nhưng thực tế lối đi có quá trình sử dụng ổn định, lâu dài từ trước năm 1975, hiện trạng sử dụng ông T cũng đã xây tường rào cặp lối đi để làm ranh giới. Việc ông T, NLQ1 trước đó có hành vi ngăn cản các ông sử dụng lối đi đã làm thiệt hại cho gia đình các ông trong quá trình vận chuyển vật tư để xây dựng nhà ở.

Vì vậy, yêu cầu ông T, NLQ1 phải liên đới bồi thường cho 04 nguyên đơn là ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1 và ông Nguyễn Công A tổng số tiền bị thiệt hại do hành vi cản trở của ông T, NLQ1 gây ra là 163.255.000 đồng. Số tiền thiệt hại này là chung của cả bốn nguyên đơn nên mỗi người đã bỏ ra một phần tiền để bồi thường cho người thứ ba. Nay các ông yêu cầu bồi thường chung cho bốn nguyên đơn là 163.255.000 đồng.

Ngoài ra, các ông không còn yêu cầu nào khác.

Đồng ý Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An các ông không có ý kiến gì, đề nghị bồi thường thiệt hại theo giá thực tế theo các chứng cứ mà 04 nguyên đơn đã cung cấp.

Tại đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, lời trình bày của các nguyên đơn bà Trần Thị Xuân H, ông Trương Hoàng N1, ông Lê Văn C1 và trong quá trình giải quyết như sau:

Vào khoảng năm 1973 ông C1 đã về sinh sống trên phần đất tại thửa đất số 351, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Vào khoảng năm 1978 ông N1, bà C đã về sinh sống trên phần đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Khi ông C1, gia đình bà C về sinh sống trên phần đất này đã có một lối đi từ phần đất của ông bà ra đường Nhựt Chánh Mỹ Bình; lối đi có chiều ngang khoảng 1m, chiều dài đi qua các thửa đất của ông Phạm Huỳnh G, ông Nguyễn Văn T. Lối đi trước đây nhỏ hơn so với bây giờ vì vào khoảng năm 2005 – 2006 ông Nguyễn Văn T có đắp thêm đường bờ phía ngoài rộng hơn (phần phía ngoài tính đến trụ điện đầu tiên). Theo ông C1, bà C biết lối đi này nằm giữa hai thửa đất của ông G và ông T và ngăn cách bởi một hàng dừa. Đến năm 2014 ông T có xây một bức tường rào bằng bê tông, khi xây hàng rào này ông T đã xây ra gần nửa lối đi mà ông C1, bà C đang sử dụng ra khỏi hàng dừa. Khi ông T xây dựng tường rào còn lại lối đi quá nhỏ nên ông C1, bà C có xin ông G cho ông mở lối đi qua phần đất của ông G và ông G đã đồng ý nên mới có lối đi như hiện nay. Còn bà H thì mới nhận chuyển nhượng của ông Phạm Huỳnh G phần đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An từ năm 2017. Từ khi bà H về sinh sống trên phần đất này đã có đường đi từ đường Nhựt Chánh – Mỹ Bình đi vào và ông T đã xây dựng bức tường như hiện nay.

Khoảng năm 2017, ông T đã ngăn cản không cho ông C1, bà C, bà H sử dụng lối đi nên ngày 20/6/2019, các ông bà đã làm đơn khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T, NLQ1:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông sử dụng lối đi có diện tích 141,4m², tại vị trí ký hiệu C, D, E, K, G, F theo trích lục đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018. Trong đó vị trí C diện tích 7m² thuộc thửa 513, vị trí D diện tích 2,4m² thuộc thửa 333, vị trí H diện tích 24,9 m² thuộc thửa 450 và 512, vị trí K diện tích 7,1m² thuộc thửa 333, vị trí G diện tích 24,2m² thuộc thửa 514, 515, 116, 117, 518. Tất cả các vị trí C, D, E, H, G, F đều thuộc tờ bản đồ số 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên hiện trạng lối đi tại các vị trí C, D, H, K theo trích đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018.

Sau khi khởi kiện thì ông T, NLQ1 đã không còn hành vi cản trở việc đi lại của các ông bà và gia đình qua lối đi này nên ngày 05/8/2020 các ông bà đã làm đơn rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T do ông Trịnh Ngọc Anh K là người đại diện theo ủy quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà trình bày:

Ông T xác định phần đất thuộc khu K, D, F của mảnh trích đo địa chính nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 333 của ông T. Hiện trạng phần đất này là một phần của lối đi rải đá xanh như các nguyên đơn trình bày. Bức tường rào ông T xây dựng năm 2014. Trước năm 2017 ông T vẫn cho các hộ dân bên trong sử dụng làm lối đi nhưng từ năm 2017 ông N, ông M, ông M1, ông A, bà H cho xe chở vật liệu xây dựng vào sợ làm hư hỏng đường và sạt lún hàng rào nên ông T mới ngăn cản xe 4 bánh vào trong lối đi này. Tại đơn khởi kiện ngày 19/10/2017 của ông N thì ông N trình bày ông T cho vận chuyển vật tư vào công trình bằng xe ba gác, nếu vận chuyển vật tư bằng xe ba gác vào công trình thì vẫn đảm bảo được việc cung ứng vật tư xây dựng nhưng phía ông N và các nguyên đơn không đồng ý, yêu cầu được vận chuyển bằng xe lớn nên ông T không đồng ý. Hơn nữa, lối đi này có một phần đất của ông T nên nếu vận chuyển bằng xe lớn sẽ ảnh hưởng tường rào ông mới xây dựng.

Ông T, NLQ1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện; căn cứ theo tài liệu về bồi thường không có giá trị pháp lý vì công ty Hoàng Anh không có tư cách pháp nhân nên hợp đồng ký kết các bên ký kết với nhau không có giá trị pháp lý nên số tiền bồi thường hợp đồng 40.000.000 đồng và 8.400.000 đồng tiền nhân công là không hợp lý nên ông T không đồng ý bồi thường. Đối với chi phí vận chuyển vật tư là 114.855.000 đồng thì ông T không đồng ý vì theo Kết luận chi phí chỉ có 24.501.000 đồng, gia đình ông T chỉ ngăn cản bằng xe lớn cho vận chuyển bằng xe ba gác nhưng do các nguyên đơn tự thuê vận chuyển bằng xe rùa nên không phải lỗi của ông T nên không đồng ý bồi thường.

Ngoài ra, ông T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đồng ý Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An ông đồng ý và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 có lời trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, hiện hôn nhân ông bà vẫn còn tồn tại. Ông bà là chủ sử dụng thửa đất số 333. Phần đường đất từ lộ Nhựt Chánh - Mỹ Bình vào đến nhà của ông Nguyễn là đường đất của gia đình ông đắp nhưng do trước đây ông N cho vận chuyển xe tràn vào đất bằng xe máy cày và đã va quệt vào tường nhà của ông bà nên vợ chồng bà ra hỏi chuyện và nói ông N không được cho xe máy cày vào nhưng ông N không đồng ý mà thưa gia đình bà ra Ủy ban nhân dân xã. Tại Ủy ban nhân dân xã vợ chồng bà đồng ý cho các nguyên đơn vận chuyển vật tư bằng xe ba gác nhưng các nguyên đơn vẫn kiên quyết không chịu mà yêu cầu cho vận chuyển bằng xe bốn bánh nên gia đình bà mới ngăn cản nên các nguyên đơn mới đổ vật tư từ lộ Nhựt Chánh - Mỹ Bình và đẩy vào bằng xe rùa. Lỗi đi là đất của gia đình bà nhưng các nguyên đơn không hỏi ý kiến mà tự ý vận chuyển vật tư bằng xe trọng tải lớn vào đất nên không đồng ý. Bà không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Ngoài ra, bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đồng ý Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An, bà đồng ý và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ngày 26/5/2022, các nguyên đơn ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Công A, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chi phí bồi thường tiền nhân công cho chủ đầu tư xây dựng 8.400.000 đồng và thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thuê nhân công vận chuyển vật tư xây dựng bằng xe rùa và xe hai bánh tổng chi phí đã thuê và ký hợp đồng là 114.855.000 đồng, các nguyên đơn xác định yêu cầu bồi thường thiệt hại về việc thuê nhân công để vận chuyển vật tư xây dựng tại Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An là 24.501.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 588 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A.

Buộc ông Nguyễn Văn T, NLQ1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A số tiền 24.501.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A đối với yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ1 liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C1, ông Trương Hoàng N1, bà Trần Thị Xuân H, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn M theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, cụ thể:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông sử dụng lối đi có diện tích 141,4m², tại vị trí ký hiệu C, D, E, K, G, F theo trích lục đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018. Trong đó vị trí C diện tích 7m² thuộc thửa 513, vị trí D diện tích 2,4m² thuộc thửa 333, vị trí H diện tích 24,9 m² thuộc thửa 450 và 512, vị trí K diện tích 7,1m² thuộc thửa 333, vị trí G diện tích 24,2m² thuộc thửa 514, 515, 116, 117, 518. Tất cả các vị trí C, D, E, H, G, F đều thuộc tờ bản đồ số 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên hiện trạng lối đi tại các vị trí C, D, H, K theo trích đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018.

Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N tại tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2017, ngày 25/8/2019, ngày 09/11/2019, cụ thể:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ1 mở lối đi có diện tích khoảng 175m², (3,5m x dài 50m) thuộc thửa 513, tờ bản đồ số 7 , Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ1 chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng lối đi 41,4m², tại khu C, D, K, H theo Mảnh trích đo địa chính 167-2018 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bến Lức phê duyệt ngày 20/8/2018.

- Buộc giữ nguyên hiện trạng lối đi thuộc các khu trên theo Mảnh trích đo địa chính.

- Buộc ông Nguyễn Văn T, NLQ1 sử dụng hạn chế bất động sản liền kề đối với 9,5m² (gồm khu D là 2,4m², khu K là 7,1m²).

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T thuộc 01 phần thửa đất số: 333, tờ bản đồ số 7 với diện tích là 21,9m² thuộc khu K, D, F theo bản vẽ được công ty TNHH Đo đạc nhà đất

Hung Phú vẽ ngày 04/7/2018 và được Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/8/2018 và cập nhật đây là lỗi đi công cộng.

Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A về việc yêu cầu bồi thường chi phí tiền nhân công cho chủ đầu tư xây dựng số tiền 8.400.000 đồng.

Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.800.000 đồng: Các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong).

Về chi phí giám định là 22.857.000 đồng: Buộc ông Nguyễn Văn T và NLQ1 phải liên đới trả lại cho các nguyên đơn số tiền 22.857.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, NLQ1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A phải liên đới chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng khấu trừ số tiền 4.081.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002227 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A số tiền 2.081.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Hoàn trả cho ông Hồ Duy N số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005967 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1 mỗi người số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0001009 ngày 04/7/2019 và 0001011 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001013 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Xuân H số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001010 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Trương Hoàng N1 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001012 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N, ông A, ông M1, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn là ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được.

Ông N, ông A, ông M1, ông M trình bày: Ông T và NLQ1 đã trên 03 lần có hành vi ngăn cản và việc này có báo chính quyền địa phương lập biên bản sau đó vẫn tiếp tục có hành vi ngăn cản các nguyên đơn vận chuyển vật tư vào xây dựng nhà ở. Sau đó các nguyên đơn có thuê phần đất của ông G để mở lối đi vận chuyển vật tư vào vì không còn lối đi nào khác.

Ông K trình bày: Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, thiệt hại của các nguyên đơn không do bị đơn gây ra, các bị đơn không có việc thuê người vận chuyển vật liệu xây dựng. Việc thuê đất của ông G không có chứng cứ. Ông T và NLQ1 không cho các nguyên đơn vận chuyển vật tư vì đây là lối đi trên phần đất của ông bà.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông T kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T kháng cáo không đồng ý bồi thường cho các nguyên đơn số tiền 24.501.000 đồng vì cho rằng thiệt hại của các nguyên đơn không do bị đơn gây ra. Xét thấy, ông T và NLQ1 có hành vi ngăn cản không cho các nguyên đơn vận chuyển vật liệu xây dựng qua lối đi ngang nhà ông T. Sự việc trên các nguyên đơn có báo chính quyền địa phương và trưởng ấp làm chứng. Chính quyền địa phương có lập biên bản về hành vi của ông T và NLQ1. Như vậy, có căn cứ chứng minh có hành vi ngăn cản của ông T và NLQ1 và có thiệt hại xảy ra do từ hành vi ngăn cản nên án sơ thẩm buộc ông T và NLQ1 có trách nhiệm bồi thường chi phí thuê người vận chuyển vật liệu xây dựng cho các nguyên đơn theo Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Long An với số tiền 24.501.000 đồng là có căn cứ.

Từ quan điểm trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 308, giữ nguyên Bản án dân sự sơ

thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông T kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông N, ông A, ông M1, ông M về việc yêu cầu ông T, NLQ1 trả tiền thuê nhân công vận chuyển vật tư xây dựng số tiền 24.501.000 đồng. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Tại Mảnh trích đo địa chính số 167-2018 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú đo vẽ ngày 04/7/2018 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An duyệt ngày 20/8/2018 thì lối đi đang tồn tại trên thực tế thuộc Khu C, D, F, G, H, K của Mảnh trích đo địa chính không phải là lối đi công cộng thể hiện trên bản đồ địa chính. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các đương sự và Văn bản số 595/UBND-ĐC ngày 09/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì lối đi tại vị trí Khu C, D, F, G, H, K của Mảnh trích đo địa chính là lối đi chung của các hộ dân bên trong tiếp giáp lối đi và được hình thành từ trước năm 1972 đến nay.

[3.2] Các nguyên đơn ông N, ông A, ông M1, ông M trình bày khoảng năm 2017 các nguyên đơn tiến hành vận chuyển vật liệu xây dựng đi qua lối đi thuộc các Khu C, D, F, G, H, K để xây dựng nhà thì bị gia đình ông T, NLQ1 ngăn cản. Các nguyên đơn đã làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức giải quyết, sau khi hoà giải thì gia đình ông T, NLQ1 vẫn tiếp tục ngăn cản không cho các nguyên đơn chở vật tư xây dựng. Trưởng Ấp 2, xã Nhựt Chánh có vận động giải quyết nhưng gia đình ông T vẫn tiếp tục ngăn cản không cho xe chở vật tư vào mà phải đổ ở đầu đường và vận chuyển bằng xe rùa vào bên trong. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2019 do Tòa án lập, ông T và NLQ1 cũng xác định *“thời điểm năm 2017 khi 04 hộ gia đình ông N, ông M1, ông M, bà H xây nhà thì ông bà không cho xe tải chở vật liệu xây dựng vào mà vẫn đồng ý cho chở bằng xe ba gác nhưng ông N không chịu do đó ông bà không cho vận chuyển bất kỳ thứ gì bằng xe ba gác luôn...không cho ai vận chuyển bằng xe ba gác, hay xe tải vào đường này”*. Tại phiên tòa ông T xác định không cho các nguyên đơn vận chuyển vật liệu đi lối đi này vì đây là đất của ông. Nhận thấy, các nguyên đơn chưa gây thiệt hại nào cho gia đình ông T nên việc ngăn cản của ông T, NLQ1 đối với lối đi chung của các gia đình là không đúng dẫn đến các nguyên đơn phải hợp đồng để thuê vận chuyển vật liệu xây dựng bằng xe rùa vào bên trong để xây dựng nhà. Do đó, xác định lối đi gây thiệt hại về tài sản là do hành vi ngăn cản của ông T, NLQ1 gây ra nên các nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản là có căn cứ.

[3.3] Về tính thiệt hại bồi thường: Tại Kết luận giám định chi phí vận chuyển khối lượng vật tư phục vụ cho công trình xây dựng số 51/BC-TTGD ngày 14/6/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Long An xác định chi phí vận chuyển vật tư phục vụ cho việc xây dựng 04 căn nhà liền kề tại các thửa 513, 514, 515, 516 là 24.501.000 đồng nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu ông T, NLQ1 bồi thường thiệt hại với số tiền 24.501.000 đồng là có căn cứ. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chi phí giám định 22.857.000 đồng ông T, NLQ1 phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông N, ông A, ông M1, ông M theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự như án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của ông T như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T phải chịu theo Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và 588 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T, NLQ1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A số tiền 24.501.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm lẻ một nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A đối với yêu cầu ông Nguyễn

Văn T, NLQ1 liên đới bồi thường số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C1, ông Trương Hoàng N1, bà Trần Thị Xuân H, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn M theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019, cụ thể đối với:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông sử dụng lối đi có diện tích 141,4m², tại vị trí ký hiệu C, D, E, K, G, F theo trích lục đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018. Trong đó vị trí C diện tích 7m² thuộc thửa 513, vị trí D diện tích 2,4m² thuộc thửa 333, vị trí H diện tích 24,9 m² thuộc thửa 450 và 512, vị trí K diện tích 7,1m² thuộc thửa 333, vị trí G diện tích 24,2m² thuộc thửa 514, 515, 116, 117, 518. Tất cả các vị trí C, D, E, H, G, F đều thuộc tờ bản đồ số 7, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Buộc ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên hiện trạng lối đi tại các vị trí C, D, H, K theo trích đo địa chính số 167-2018 được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/08/2018.

4. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2017, ngày 25/8/2019, ngày 09/11/2019, cụ thể:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn T, NLQ1 mở lối đi có diện tích khoảng 175m², (3,5m x dài 50m) thuộc thửa 513, tờ bản đồ số 7 , Ấp 2, xã N2, huyện B, tỉnh Long An

- Yêu cầu ông T, NLQ1 chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng lối đi 41,4m², tại khu C, D, K, H theo Mảnh trích đo địa chính 167-2018 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bến Lức phê duyệt ngày 20/8/2018.

- Buộc giữ nguyên hiện trạng lối đi thuộc các khu trên theo Mảnh trích đo địa chính.

- Buộc ông T, NLQ1 sử dụng hạn chế bất động sản liền kề đối với 9,5m² (gồm khu D là 2,4m², khu K là 7,1m²).

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn T thuộc 01 phần thửa đất số: 333, tờ bản đồ số 7 với diện tích là 21,9m² thuộc khu K, D, F theo bản vẽ được công ty TNHH Đo đạc nhà đất Hưng Phú vẽ ngày 04/7/2018 và được Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện Bến Lức duyệt ngày 20/8/2018 và cập nhật đây là lối đi công cộng.

5. Đình chỉ giải quyết một phần vụ án dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A về việc yêu cầu bồi thường chi phí tiền nhân công cho chủ đầu tư xây dựng số tiền 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ là 7.800.000 đồng: Các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ (đã nộp và chi xong).

7. Về chi phí giám định là 22.857.000 đồng: Buộc ông Nguyễn Văn T và NLQ1 phải liên đới trả lại cho các nguyên đơn số tiền 22.857.000 đồng (hai mươi hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

8. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T, NLQ1 được miễn toàn bộ tiền án phí.

Buộc ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A phải liên đới chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng khấu trừ 4.081.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002227 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông Hồ Duy N, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Công A 2.081.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn lại.

Hoàn trả cho ông Hồ Duy N 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005967 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0001009 ngày 04/7/2019 và 0001011 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Lê Văn C1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001013 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Xuân H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001010 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Hoàn trả cho ông Trương Hoàng N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001012 ngày 04/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn toàn bộ tiền án phí.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền